

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 29

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4,, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 04 năm 2021
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 04 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Shekhar Himanshu	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt		
Bà Đặng Kiện Phương		từ ngày 26 tháng 4 năm 2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ngày 27 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7,773,959,379,312	6,841,882,833,647
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,406,664,056,957	1,450,368,646,470
1. Tiền	111	5	172,694,601,477	186,908,731,279
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,233,969,455,480	1,263,459,915,191
II. Các khoản phải thu	130		2,638,490,310,229	2,220,553,259,795
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	2,383,219,224,247	1,981,650,094,151
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	118,263,519,581	92,224,724,578
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		53,613,663,000	41,528,419,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	129,179,855,090	148,729,632,408
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(45,785,951,689)	(43,579,610,342)
III. Hàng tồn kho	140	8	3,500,841,551,213	3,002,673,387,260
1. Hàng tồn kho	141		3,628,483,449,396	3,129,669,315,928
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(127,641,898,183)	(126,995,928,668)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		227,963,460,913	168,287,540,122
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	18,918,911,303	15,516,149,231
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		206,834,915,351	151,287,069,991
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2,209,634,259	1,484,320,900

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		726,425,153,164	659,132,981,730
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		60,922,048,218	17,040,194,482
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	60,990,510,218	17,040,194,482
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	68,462,000.00	-
II. Tài sản cố định	220		172,006,720,681	131,009,469,030
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	67,048,743,817	38,258,867,224
<i>Nguyên giá</i>	222		118,765,965,977	83,995,714,753
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(51,717,222,160)	(45,736,847,529)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	104,957,976,864	92,750,601,806
<i>Nguyên giá</i>	228		123,710,983,526	105,972,874,734
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(18,753,006,662)	(13,222,272,928)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,098,953,341	14,909,126,190
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,098,953,341	14,909,126,190
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13,765,594,509	19,111,845,883
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	11,510,594,509	19,111,845,883
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2,255,000,000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		477,631,836,415	477,062,346,145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	30,505,976,293	20,439,951,286
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		95,685,664,363	72,748,685,377
3. Tài sản dài hạn khác	268		9,248,006,055	31,312,693,640
4. Lợi thế thương mại	269	13	342,192,189,704	352,561,015,842
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8,500,384,532,476	7,501,015,815,377

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5,488,406,928,068	4,873,913,364,207
I. Nợ ngắn hạn	310		5,482,959,641,531	4,857,731,077,670
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.1	2,302,925,773,135	1,556,751,930,406
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.2	159,470,620,227	138,521,125,899
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	52,348,381,540	31,361,021,453
4. Phải trả người lao động	314		36,697,621,111	30,923,720,210
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	325,302,628,259	251,494,903,833
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	119,635,498,500	527,186,182,982
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	2,486,579,118,759	2,321,492,192,887
II. Nợ dài hạn	330		5,447,286,537	16,182,286,537
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	2,533,629,427	7,768,629,427
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	5,500,000,000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2,913,657,110	2,913,657,110
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3,011,977,604,408	2,627,102,451,170
I. Vốn chủ sở hữu	410		3,011,977,604,408	2,627,102,451,170
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19.1	2,193,201,690,000	1,672,244,430,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,193,201,690,000	1,672,244,430,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,439,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19.1	730,349,063,488	867,192,867,929
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		286,472,045,211	512,803,771,037
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		443,877,018,277	354,389,096,892
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		33,066,026,670	32,471,328,991
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8,500,384,532,476	7,501,015,815,377

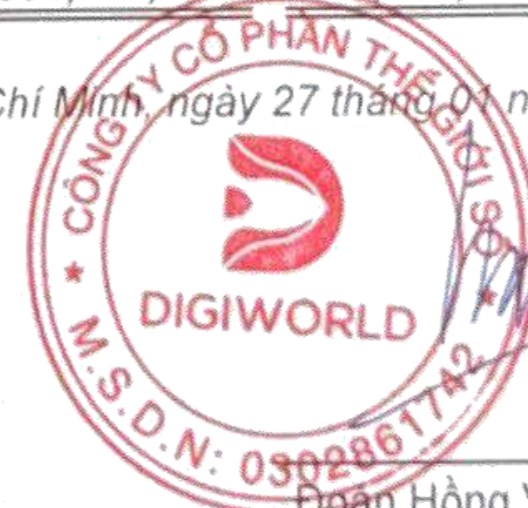
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2025

Quatere

Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Mai Han

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế		Đơn vị tính: VND
			Năm nay		Năm trước		
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20.1	6,138,085,009,829	4,977,453,423,124	22,560,566,291,756	19,015,122,364,435	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20.1	(278,803,118,505)	(128,476,692,380)	(482,305,929,549)	(197,647,016,714)	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20.1	5,859,281,891,324	4,848,976,730,744	22,078,260,362,207	18,817,475,347,721	
4. Giá vốn hàng bán	11	21	(5,251,690,835,219)	(4,328,031,420,137)	(20,022,776,956,308)	(17,257,979,824,162)	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		607,591,056,105	520,945,310,607	2,055,483,405,899	1,559,495,523,559	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20.2	55,527,645,571	66,159,157,488	191,523,696,921	194,553,722,080	
7. Chi phí tài chính	22	22	(66,548,037,243)	(27,869,955,580)	(162,847,478,137)	(138,130,573,740)	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(27,948,658,982)	(22,876,778,293)	(96,102,142,900)	(122,212,057,838)	
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1,501,459,194)	(4,651,411,129)	1,295,427,468	(4,305,069,190)	
9. Chi phí bán hàng	25	23	(356,519,188,081)	(370,534,010,173)	(1,284,703,148,478)	(943,621,127,669)	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	(64,965,764,211)	(64,143,985,259)	(244,263,029,014)	(198,654,795,562)	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		173,584,252,947	119,805,105,954	556,488,874,659	469,337,679,478	
12. Thu nhập khác	31	24	15,294,448,448	3,881,588,005	21,876,282,047	11,144,843,381	
13. Chi phí khác	32	24	68,913,434	(5,372,346,163)	(9,414,383,954)	(9,913,098,741)	
14. Lợi nhuận khác	40	24	15,363,361,882	(1,490,758,158)	12,461,898,093	1,231,744,640	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		188,947,614,829	118,314,347,796	568,950,772,752	470,569,424,118	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	(67,467,443,797)	(47,747,679,946)	(142,724,165,244)	(91,584,555,924)	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		25,004,236,280	19,678,517,754	22,320,702,746	(16,393,733,923)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		146,484,407,312	90,245,185,604	448,547,310,254	362,591,134,271	
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		140,356,071,849	89,568,304,952	443,877,018,277	354,389,096,892	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6,128,335,463	676,880,652	4,670,291,977	8,202,037,379	
21. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	70		765	536	2,419	1,663	

Quoten

Trần Quế Tâm
 Người lập biểu

Mai

Vũ Thị Mai Hân
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh ngày 27 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ		Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
CHỈ TIÊU						
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
01	Lợi nhuận trước thuế	188,947,614,829	118,314,347,796	568,950,772,752	470,569,424,118	
02	Điều chỉnh cho các khoản:					
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	15,741,301,998	12,634,396,977	55,417,865,390	42,403,220,764	
-	Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	(12,952,289,455)	(38,545,494,555)	2,920,772,862	(63,011,473,564)	
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	445,700,573	(2,872,651,571)	445,700,573	(2,872,651,571)	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(30,419,197,386)	(19,045,323,050)	(49,568,992,728)	(86,580,303,370)	
-	Chi phí lãi vay	27,948,185,157	18,857,323,242	96,101,669,075	119,803,214,695	
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	189,711,315,716	89,342,598,839	674,267,787,924	480,311,431,072	
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	262,051,239,892	355,337,082,558	(528,209,226,461)	(565,869,635,265)	
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	(625,874,824,966)	(707,938,443,718)	(493,074,266,617)	322,497,188,635	
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	707,008,461,826	272,339,312,358	443,581,438,495	574,770,132,623	
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	(2,706,417,137)	(23,926,018,870)	12,495,092,902	(14,965,012,983)	
-	Tiền lãi vay đã trả	(28,578,275,877)	(24,937,708,405)	(99,498,302,508)	(128,130,669,229)	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(77,358,916,811)	(41,335,228,826)	(121,375,901,459)	(100,434,436,195)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	424,252,582,643	(81,118,406,064)	(111,813,377,724)	568,178,998,658	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(3,308,899,684)	(5,846,827,980)	(45,216,323,778)	(29,947,442,144)	
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	2,872,391,676	-	
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(39,867,215,000)	(27,800,000,000)	(167,108,371,000)	(47,800,000,000)	
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	55,266,889,000	6,271,581,000	152,351,435,000	29,991,101,000	
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	(27,979,191,100)	(79,308,822,165)	(52,760,477,305)	(153,172,969,051)	
26	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	8,543,550,000	
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	16,788,685,817	20,511,548,748	48,300,514,105	75,326,657,246	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	900,269,033	(86,172,520,397)	(61,560,831,302)	(117,059,102,949)	

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV	LŨY KẾ	
				Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	53,341,692,900	40,000,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(167,000,000)	(30,000,000)	(192,000,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	2,847,348,131,371	3,199,023,996,770	11,779,439,114,983	10,602,331,782,395
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3,096,899,744,594)	(2,976,300,432,098)	(11,619,852,189,111)	(10,303,601,827,811)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(167,072,974,000)	(83,526,637,000)	(167,072,974,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(249,551,613,223)	129,371,981,772	171,464,980,584
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		175,601,238,453	(44,002,227,254)	622,584,876,293
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1,230,765,180,763	1,450,368,646,470	827,783,770,177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		297,637,741	297,637,741	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1,406,664,056,957	1,406,664,056,957	1,450,368,646,470

Trần Quế Tâm

Trần Quế Tâm
 Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hàn

Vũ Thị Mai Hàn
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2025



Đoàn Hồng Việt
 Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 862 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 815).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty con	Đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
				Cuối kỳ	Đầu năm
(1) Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	Trực tiếp	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	100	100
(2) Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Gián tiếp	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện điện tử	Đang hoạt động	100	100
(3) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Gián tiếp	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	99,15	90,15
(4) Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Bellvina	Gián tiếp	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	76.99	76.99
(5) Công ty TNHH MTV DPHARMA	Gián tiếp	Phân phối dược phẩm	Đang hoạt động	100	100
(6) Công ty Cổ phần Achison	Gián tiếp	Tư vấn và mua bán giải pháp BHLĐ	Đang hoạt động	75	75
(7) Công ty Cổ phần Việt Money Holdings	Gián tiếp	Thương mại	Đang hoạt động	79.163	72.80
(8) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Trực tiếp	Thương mại	Đang hoạt động	90.00	49.10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	3 - 6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua, Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.18 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Mua thêm sở hữu vào công ty liên kết hiện hữu - Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Vietnam ("B2X")

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2024, Nhóm Công ty đã mua thêm 40,9% cổ phần của B2X, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0314800952, do SKHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 22 tháng 12 năm 2017, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Theo đó, B2X trở thành công ty con của Nhóm Công ty và Nhóm Công ty nắm giữ 90% quyền biểu quyết trong B2X.

Vào ngày mua, B2X sở hữu một công ty con là Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam ("Nhóm công ty B2X").

Giá trị hợp lý tạm tính của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Nhóm công ty B2X vào ngày mua được trình bày dưới đây:

	VND
Tài sản	19,785,774,706
Tiền	7,451,416,978
Các khoản phải thu	1,650,762,481
Hàng tồn kho	5,739,866,851
Tài sản cố định	828,626,909
Các tài sản ngắn hạn khác	529,713,544
Tài sản dài hạn khác	3,585,387,943
Nợ phải trả	13,518,685,514
Vay	-
Phải trả người bán	6,625,686,871
Phải trả khác	6,892,998,643
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý tạm tính	6,267,089,192
Cổ đông không kiểm soát	(626,708,919)
Lợi thế thương mại từ Hợp nhất kinh doanh	30,022,649,952
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	35,663,030,225

Từ ngày 09 tháng 09 năm 2024 đến ngày 04 tháng 12 năm 2024, Nhóm công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu vào Công ty C.L từ 90.15% lên 99.15% với giá phí đầu tư là 5.220.000.000VNĐ và đã tăng tỷ lệ sở hữu vào Công ty Vietmoney Holding từ 72.8% lên 79.163% với giá phí đầu tư 28,105,072,900 VNĐ.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty C.L và Vietmoney Holding phát sinh từ nghiệp vụ trên được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 4,209,086,501VNĐ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1,086,301,185	2,096,923,565
Tiền gửi ngân hàng	171,608,300,292	184,734,435,339
Các khoản tương đương tiền	1,233,969,455,480	1,263,491,339,566
Tiền đang chuyển	-	45,948,000
TỔNG CỘNG	1,406,664,056,957	1,450,368,646,470

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**5.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động & chi nhánh	512,240,702,670	140,169,916,930
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT & CN	54,729,075,199	42,568,523,586
Công ty Cổ phần thương mại Dịch vụ Phong Vũ	66,817,044,632	82,283,998,049
Công ty CP Dịch vụ TM Tổng hợp Wincommerce	42,281,329,958	17,716,362,522
Các khoản phải thu khách hàng khác	1,707,151,071,788	1,698,911,293,064
TỔNG CỘNG	2,383,219,224,247	1,981,650,094,151
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(12,367,360,067)	(10,429,865,601)
GIÁ TRỊ THUẬN	2,370,851,864,180	1,971,220,228,550

5.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	7,999,686,608	869,076,000
Công Ty TNHH Công Nghệ HUAWEI Việt Nam	45,605,023,322	4,058,241,911
Acer Incorporated	15,278,457,277	3,375,835,375
Khác	49,380,352,374	83,921,571,292
TỔNG CỘNG	118,263,519,581	92,224,724,578

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32,874,099,492	32,874,099,492
Tạm ứng cho nhân viên	4,920,981,461	8,816,386,103
Đặt cọc, ký quỹ	23,192,112,052	9,952,308,700
Khác	68,192,662,085	97,086,838,113
TỔNG CỘNG	129,179,855,090	148,729,632,408
Dự phòng phải thu khác	(32,874,099,492)	(32,874,099,492)
GIÁ TRỊ THUẬN	96,305,755,598	115,855,532,916
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	60,990,510,218	17,040,194,482

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa	2,780,021,618,579	2,657,873,235,136
Hàng mua đang đi đường	793,840,490,784	427,090,921,901
Hàng gửi đi bán	9,155,627,707	9,891,155,735
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45,465,712,326	34,814,003,156
TỔNG CỘNG	3,628,483,449,396	3,129,669,315,928
Dự phòng HTK	(127,641,898,183)	(126,995,928,668)
GIÁ TRỊ THUẬN	3,500,841,551,213	3,002,673,387,260

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	18,826,004,809	15,251,604,746
Công cụ, dụng cụ	92,906,494	264,544,485
	18,918,911,303	15,516,149,231
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	9,324,970,500	3,819,087,436
Khác	21,181,005,793	16,620,863,850
	30,505,976,293	20,439,951,286

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B09-DN/HN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số đầu kỳ	22,510,497,439	6,802,043,247	50,644,711,734	4,038,462,333	83,995,714,753
Mua sắm	20,785,050,000	63,694,444	19,144,722,132	1,007,719,550	41,001,186,126
Tăng từ Hợp nhất	-	-	1,733,802,825	-	1,733,802,825
Giảm TSCĐ - Thanh lý	-	-	(7,964,737,727)	-	(7,964,737,727)
Số cuối kỳ	43,295,547,439	6,865,737,691	63,558,498,964	5,046,181,883	118,765,965,977
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	(12,954,295,247)	(6,203,425,309)	(23,480,566,673)	(3,098,560,300)	(45,736,847,529)
Thanh lý	-	-	5,092,346,051	-	5,092,346,051
Tăng từ Hợp nhất	-	-	(1,160,208,650)	-	(1,160,208,650)
Khấu hao trong năm	(1,219,226,874)	(265,011,652)	(7,982,130,261)	(446,143,245)	(9,912,512,032)
Số cuối kỳ	(14,173,522,121)	(6,468,436,961)	(27,530,559,533)	(3,544,703,545)	(51,717,222,160)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	9,556,202,192	598,617,938	27,164,145,061	939,902,033	38,258,867,224
Số cuối kỳ	29,122,025,318	397,300,730	36,027,939,431	1,501,478,338	67,048,743,817

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B09-DN/HN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Nguyên giá	Phân mềm	Quyền sử dụng đất	VND Tổng cộng
Số đầu kỳ	47,047,250,712	58,925,624,022	105,972,874,734
Tăng từ hợp nhất	671,889,200	-	671,889,200
Mua sắm	17,066,219,592	-	17,066,219,592
Số cuối kỳ	64,785,359,504	58,925,624,022	123,710,983,526
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(13,222,272,928)	-	(13,222,272,928)
Khấu hao trong kỳ	(5,113,877,268)	-	(5,113,877,268)
Tăng từ hợp nhất	(416,856,466)	-	(416,856,466)
Số cuối kỳ	(18,753,006,662)	-	(18,753,006,662)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	33,824,977,784	58,925,624,022	92,750,601,806
Số cuối kỳ	46,032,352,842	58,925,624,022	104,957,976,864

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phản mềm máy tính	14,909,126,190

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ %	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ %	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Giá trị đầu tư VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	36.01%	11,510,594,509	49.10%	8,732,891,517
Công ty cổ phần Dược phẩm Đại Tín		-	36.01%	10,100,104,366
Khác		-	0.05%	278,850,000
		11,510,594,509		19,111,845,883

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
	<i>Lợi thế thương mại từ mua lại các công ty con</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	386,401,548,428
Tăng trong năm	30,022,649,952
Số cuối kỳ	<u>416,424,198,380</u>
Phân bổ lũy kế	
Số đầu kỳ	(33,840,532,586)
Phân bổ trong năm	(40,391,476,090)
Số cuối kỳ	<u>(74,232,008,676)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	352,561,015,842
Số cuối kỳ	<u><u>342,192,189,704</u></u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Lenovo (Singapores) Pte. Ltd.	20,690,802,574	50,604,591,883
Asus Global Pte. Ltd.	265,516,588,699	170,939,591,129
Xiaomi H.K Limited	800,527,864,819	352,244,760,091
Công ty TNHH Apple Việt Nam	734,220,109,000	545,722,507,000
Nhà cung cấp khác	481,970,408,043	437,240,480,303
TỔNG CỘNG	<u><u>2,302,925,773,135</u></u>	<u><u>1,556,751,930,406</u></u>

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
XIAOMI H.K LIMITED	86,067,701,194	83,633,572,288
AMD INTERNATIONAL SALES & SERVICE, LTD.	11,799,703,892	8,330,760,949
WHIRLPOOL SOUTHEAST ASIA PTE	1,304,671,538	7,193,729,111
Khác	60,298,543,603	39,363,063,551
TỔNG CỘNG	<u><u>159,470,620,227</u></u>	<u><u>138,521,125,899</u></u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Chiết khấu thương mại	146,441,609,122	158,621,295,159
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	154,228,705,617	68,202,548,491
Chi phí lãi vay	1,982,200,427	5,378,833,860
Khác	22,650,113,093	19,292,226,323
TỔNG CỘNG	<u><u>325,302,628,259</u></u>	<u><u>251,494,903,833</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49,974,040,987	28,625,777,202
Thuế thu nhập cá nhân	1,255,776,800	2,517,587,384
Thuế GTGT phải nộp	808,072,666	-
Các loại thuế khác	310,491,087	217,656,867
TỔNG CỘNG	52,348,381,540	31,361,021,453

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
UPAS L/C (*)	-	502,415,914,000
Chi trả hộ	19,942,330,119	12,523,927,784
Phải trả BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3,337,701,276	3,066,667,799
Nhận ký quỹ, ký cược	93,125,846,108	
Phải trả khác	3,229,620,997	9,179,673,399
TỔNG CỘNG	119,635,498,500	527,186,182,982
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	2,533,629,427	7,768,629,427
TỔNG CỘNG	2,533,629,427	7,768,629,427

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B09-DN/HN

18. VAY

CÁC KHOẢN VAY	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	VND
Vay ngân hàng ngắn hạn	2,293,987,192,887	11,779,439,114,983	(11,586,847,189,111)	2,486,579,118,759	
Vay cá nhân dài hạn	33,005,000,000	-	(33,005,000,000)	-	
	2,326,992,192,887	11,779,439,114,983	(11,619,852,189,111)	2,486,579,118,759	

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Tên Tổ chức tín dụng	Số cuối kỳ VND	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM	868,590,261,224	Ngày 03/02/2025 đến 27/03/2025	Từ 3.7% đến 3.8%	Không có tài sản đảm bảo
2 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	468,357,369,996	Ngày 14/02/2025 đến 18/03/2025	Từ 3.7% đến 4.0%	Không có tài sản đảm bảo
3 Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	637,207,500,525	Ngày 07/01/2025 đến 24/02/2025	Từ 3.79% đến 4.57%	Không có tài sản đảm bảo
4 Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	119,526,238,823	Ngày 21/01/2025 đến 04/02/2025	4.00%	Không có tài sản đảm bảo
5 Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - CN TP.HCM	135,913,945,200	Ngày 14/01/2025	4.20%	Không có tài sản đảm bảo
6 Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	237,136,169,058	Ngày 07/01/2025 đến 26/03/2025	3.80%	Không có tài sản đảm bảo
7 Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORBANK	19,847,633,933	Ngày 02/03/2025 đến 27/03/2025	4.50%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	2,486,579,118,759			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B09-DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	VND
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1,632,299,430,000	61,233,761,416	(6,302,937,166)	400,000,000	706,724,931,528	28,926,547,499	2,423,281,733,277	
Phát hành cổ phiếu ESOP	40,000,000,000	-	-	-	-	-	40,000,000,000	
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(192,000,000)	-	-	-	(192,000,000)	
Giảm vốn do mua lại cổ phiếu quỹ	(55,000,000)	-	55,000,000	-	-	-	-	
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(167,072,974,000)	-	(167,072,974,000)	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	354,389,096,892	3,544,781,492	357,933,878,384	
Tăng tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	(26,848,186,491)	-	(26,848,186,491)	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1,672,244,430,000	61,233,761,416	(6,439,937,166)	400,000,000	867,192,867,929	32,471,328,991	2,627,102,451,170	
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1,672,244,430,000	61,233,761,416	(6,439,937,166)	400,000,000	867,192,867,929	32,471,328,991	2,627,102,451,170	
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	20,000,000,000	-	-	-	-	-	20,000,000,000	
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(30,000,000)	-	-	-	(30,000,000)	
Giảm vốn do mua lại cổ phiếu quỹ	(197,000,000)	-	197,000,000	-	-	-	-	
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(83,526,637,000)	-	(83,526,637,000)	
Phát hành cổ phiếu thưởng	501,154,260,000	-	-	-	(501,154,260,000)	-	-	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	443,877,018,277	4,670,291,977	448,547,310,254	
Điều chỉnh nhuận kỳ trước	-	-	-	-	(249,012,219)	-	(249,012,219)	
Thay đổi từ tăng sở hữu công ty con	-	-	-	-	4,209,086,501	(4,075,594,298)	133,492,203	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2,193,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	730,349,063,488	33,066,026,670	3,011,977,604,408	

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 35/2024/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 10 năm 2024 và Nghị Quyết số 40/2024/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc phát hành 2.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành là 10.000 VND/Cổ phiếu.

Vào ngày 04 tháng 12 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 2.000.000 cổ phiếu này. Vào ngày 09 tháng 12 năm 2024, UBCKNN thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNKDN điều chỉnh lần thứ 34 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 12 năm 2024, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 2.193.201.690.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	219,320,169	167,224,443
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	219,320,169	167,224,443
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	219,320,169	167,224,443
Cổ phiếu quỹ	(151,469)	(168,169)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151,469)	(168,169)
Cổ phiếu đang lưu hành	219,168,700	167,056,274
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	219,168,700	167,056,274

20. DOANH THU**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Tổng doanh thu:	22,560,566,291,756	19,015,122,364,435
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22,560,566,291,756	19,015,122,364,435
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại	(482,305,929,549)	(197,647,016,714)
DOANH THU THUẦN	22,078,260,362,207	18,817,475,347,721

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	1,839,845,742	4,070,901,238
Lãi chênh lệch tỷ giá	84,634,309,027	71,209,747,676
Chiết khấu thanh toán được hưởng	54,896,825,875	47,000,627,015
Lãi trái phiếu và đầu tư khác	49,455,869,746	70,651,813,334
Cổ tức được chia, chuyển nhượng cổ phần	-	1,469,744,271
Khác	696,846,531	150,888,546
TỔNG CỘNG	191,523,696,921	194,553,722,080

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	20,022,776,956,308	17,257,979,824,162
TỔNG CỘNG	20,022,776,956,308	17,257,979,824,162

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay	96,101,669,075	119,803,214,695
Lỗ chênh lệch tỷ giá	31,043,637,649	15,083,623,324
Chiết khấu thanh toán	-	432,812,659
Khác	35,702,171,413	2,810,923,062
TỔNG CỘNG	162,847,478,137	138,130,573,740

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí bán hàng	1,284,703,148,478	943,621,127,669
Chi phí nhân viên	102,694,231,948	78,745,699,449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8,809,884,561	21,201,610,382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78,564,764,035	77,965,854,822
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	1,007,108,275,010	684,159,414,652
Chi phí bằng tiền khác	87,525,992,924	81,548,548,364
Chi phí quản lý doanh nghiệp	244,263,029,014	198,654,795,562
Chi phí nhân viên	102,488,680,360	83,826,593,589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50,553,416,442	21,201,610,382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55,911,513,944	67,464,553,450
Chi phí bằng tiền khác	35,309,418,268	26,162,038,141
TỔNG CỘNG	1,528,966,177,492	1,142,275,923,231

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	21,876,282,047	11,144,843,381
Thu nhập khác	21,876,282,047	11,144,843,381
Chi phí khác	9,414,383,954	9,913,098,741
Các khoản chi phí khác	9,414,383,954	9,913,098,741
LỢI NHUẬN THUÀN	12,461,898,093	1,231,744,640

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí mua hàng	20,022,776,956,308	17,257,979,824,162
Chi phí nhân công	205,182,912,308	162,572,293,038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55,417,865,390	42,403,220,764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134,476,277,979	145,430,408,272
Chi phí bằng tiền khác	1,133,889,121,815	791,870,001,157
	21,551,743,133,800	18,400,255,747,393

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	568,950,772,752	470,569,424,118
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	113,790,154,550	94,113,884,824
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lãi/lỗ tính thuế từ công ty con,	10,559,682,878	(67,313,468)
Lỗ tính thuế từ công ty liên kết	259,085,494	83,230,371
Phân bổ lợi thế thương mại	(8,078,295,218)	708,956,298
Thu nhập không chịu thuế	-	(293,948,854)
Dự phòng đầu tư tái chính vào công ty con	3,006,690,450	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1,446,223,127	785,854,416
Khác	21,740,623,963	(3,746,107,663)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	142,724,165,244	91,584,555,924

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Hồng Việt	194,797,639	178,033,000
Bà Đặng Kiện Phương	198,275,228	174,809,000
Bà Tô Hồng Trang	186,109,000	174,809,000
Ông Shekhar Himanshu	1,133,787,004	-
Ông Nguyễn Duy Tùng	120,000,000	120,000,000
Ông Trần Bảo Minh	120,000,000	120,000,000
TỔNG CỘNG	1,952,968,871	767,651,000

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	443,877,018,277	354,389,096,892
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	2,419	1,663

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dưới 1 năm	73,652,736,856	61,616,152,006
Từ 1 đến 5 năm	144,749,834,969	146,332,930,222
Trên 5 năm	3,599,369,061.75	6,901,269,606
TỔNG CỘNG	222,001,940,886	214,850,351,834

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

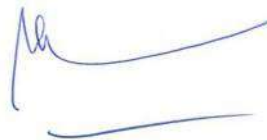
Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

